

CÔNG TY TNHH GỖ TINH HOA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GỖ TINH HOA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: WOOD QUINTESSENCE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: WOOD QUINTESSENCE CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110898139

3. Ngày thành lập: 25/11/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Lô CN12, Khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, Thị trấn Quốc Oai, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0978070210

Fax:

Email: gotinhhoa@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
2.	Khai thác gỗ	0220
3.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
4.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
5.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
6.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
7.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
8.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
9.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062

10.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất súp và nước xuyết; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt; - Sản xuất dấm; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi. Nhóm này cũng gồm: - Sản xuất các loại trà được thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); - Sản xuất men bia; - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo; - Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến;	1079
11.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
12.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
13.	Cửa, xe, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610(Chính)
14.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
15.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
16.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
17.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
18.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
19.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702

20.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất giấy vệ sinh cá nhân và giấy dùng trong gia đình và sản phẩm chèn lót bằng xenlulo như: + Giấy ăn, giấy lau chùi, + Băng vệ sinh và khăn lau vệ sinh, tã giấy cho trẻ sơ sinh, + Cốc, chén đĩa, khay bằng giấy. - Sản xuất các đồ dẹt chèn lót và sản phẩm chèn lót như: Giấy vệ sinh, băng vệ sinh; - Sản xuất giấy viết, giấy in; - Sản xuất giấy in cho máy vi tính; - Sản xuất giấy tự copy khác; - Sản xuất giấy nền và giấy than; - Sản xuất giấy phết hồ sẵn và giấy dính; - Sản xuất phong bì, bưu thiếp; - Sản xuất sổ sách, sổ kế toán, bìa rời, an-bum và các đồ dùng văn phòng phẩm tương tự dùng trong giáo dục và thương mại; - Sản xuất hộp, túi, túi dết, giấy tóm tắt bao gồm sự phân loại đồ dùng văn phòng phẩm bằng giấy; - Sản xuất giấy dán tường và giấy phủ tường tương tự bao gồm giấy có phủ chất dẻo và giấy dán tường có sợi dẹt; - Sản xuất nhãn hiệu; - Sản xuất giấy lọc và bìa giấy; - Sản xuất ống chỉ, suốt chỉ bằng giấy và bìa giấy; - Sản xuất khay đựng trứng và các sản phẩm đóng gói khác được đúc sẵn; - Sản xuất giấy mới từ giấy phế thải; - Sản xuất vàng mã các loại.	1709
21.	In ấn (Trừ hoạt động xuất bản)	1811
22.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ loại Nhà nước cấm)	1812
23.	Sao chép bản ghi các loại (Trừ loại Nhà nước cấm)	1820
24.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
25.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
26.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
27.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
28.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
29.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
30.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
31.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
32.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
33.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821

34.	Tái chế phế liệu	3830
35.	Xây dựng nhà để ở	4101
36.	Xây dựng nhà không để ở	4102
37.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
38.	Phá dỡ (Trừ hoạt động dò mìn, nổ mìn)	4311
39.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động dò mìn, nổ mìn)	4312
40.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
41.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
42.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
43.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
44.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
45.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
46.	Bán buôn thực phẩm	4632
47.	Bán buôn đồ uống	4633
48.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
49.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn dược phẩm	4649
50.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
51.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
52.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
53.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
54.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
55.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690

56.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép, lưới sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
57.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) - Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
58.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán lẻ đèn và bộ đèn; - Bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt, gọt; hàng gốm, sứ, hàng thủy tinh; - Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện; - Bán lẻ thiết bị gia dụng; - Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khoá, kết sắt... không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng; Loại trừ: Bán lẻ đồ cổ	4759
59.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;	5229
60.	Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
61.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ hoạt động điều tra và các hoạt động nhà nước cấm)	7320
62.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

63.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản	6810
64.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Môi giới bất động sản; - Quản lý bất động sản; - Sản giao dịch bất động sản; - Tư vấn bất động sản;	6820
65.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ hoạt động tư vấn pháp luật, kế toán, thuế và hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	7020
66.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
68.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
69.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
70.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130

6. **Vốn điều lệ:** 30.000.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	PHAN THỊ THANH TÂM	Việt Nam	Thôn Sen, Xã Hữu Bằng, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	15.000.000.000	50,000	001185039216	
2	PHAN THỊ PHUƠNG	Việt Nam	Thôn Đình, Xã Hữu Bằng, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	15.000.000.000	50,000	001192029224	

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

* Họ và tên: PHAN THỊ PHUƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 16/07/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001192029224

Ngày cấp: 29/04/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Đình, Xã Hữu Bằng, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Đình, Xã Hữu Bằng, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội